

Bản án số: 73/2023/HS-ST
Ngày 14 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Như Toàn và ông Nguyễn Đức Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố H;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: ông Trần Mạnh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Nguyễn M**, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1994, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: tổ 28, khu 2B, phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ 3, khu 5, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1974; có vợ là: Nguyễn Mai L, sinh năm 1997; có 02 con: con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 16/5/2016 bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, ngày 02/9/2016 chấp hành xong bản án; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 09/12/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* *Bị hại:* anh Nguyễn S, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ 3, khu 5 phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người làm chứng:* anh Vũ T, bà Phan M Hà; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn M và anh Nguyễn S là bạn bè xã hội từ năm 2008 đến nay. Do không có chỗ ở và việc làm ổn định nên khoảng tháng 11 năm 2022 M đến xin ở nhờ nhà anh S tại tổ 3, khu 5, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2022, khi M đi chơi về vào phòng khách tầng 1 nhà anh S thì thấy anh S nằm ngủ tại đệm ở trong phòng, trên đệm cạnh vị trí anh S có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 pro, vỏ màu xanh và 01 chiếc túi xách đeo chéo, màu xanh rêu, bằng vải ở dưới gối. Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, nên M nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại và tài sản trong túi xách nêu trên của anh S. Lợi dụng anh S đang ngủ, trong phòng khách không có ai nên M lấy chiếc điện thoại di động và chiếc túi xách rồi ra ngoài theo lối cửa sau. Khi ra tới ngoài cửa phụ của nhà anh S, M kiểm tra trong túi xách thấy có 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), M lấy hết tiền và để lại chiếc túi xách ở ngoài cửa phụ, rồi bỏ đi. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, M mang chiếc điện thoại di động nêu trên đến cửa hàng sửa chữa điện thoại “V” thuộc tổ 1, khu 1, phường Đ, thành phố H. Tại đây, M thuê anh Vũ T phá khóa điện thoại, còn chiếc sim điện thoại thì M tháo ra và vất đi. Số tiền trộm cắp được, M chi tiêu cá nhân hết 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn lại 1.450.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 09/12/2022, Nguyễn M đến Công an thành phố H đầu thú và giao nộp số tiền 1.450.000đ. Cùng ngày, anh Vũ T giao nộp cho Công an 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 pro, vỏ màu xanh, không có sim.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 277 ngày 09/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: trị giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 pro, màu xanh dương là 5.092.000đ (năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Tại Công văn số 03 ngày 01/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H trả lời: do chiếc túi dạng đeo chéo, không có nhãn hiệu, chất lượng bằng vải, màu xanh rêu, đã qua sử dụng, không có nguồn gốc xuất xứ, nhãn hiệu cụ thể, năm sản xuất nên không đủ cơ sở để định giá tài sản.

Xác định hiện trường ở cửa hàng sửa chữa điện thoại “V” thuộc tổ 1, khu 1, phường Đ, thành phố H, có thu giữ Video tại Camera có ghi lại hình ảnh Nguyễn M mặc quần áo thể thao màu đen đi từ phía ngoài vào trong cửa hàng.

Quá trình điều tra, Nguyễn M khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. M khai không nhớ vị trí vất chiếc sim điện thoại.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSHL ngày 22 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Nguyễn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Nguyễn M từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ: ngày 09/12/2022.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại chiếc điện thoại và tiền 1.450.000đ, nay bị hại không yêu cầu gì về tài sản nên không xét. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự: truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 08/12/2022 như nội dung vụ án nêu trên; tại phiên tòa bị cáo khẳng định lời khai trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, Kết luận định giá tài sản, biên bản nhận dạng, các tài liệu về hiện trường; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 08/12/2022, tại nhà anh Nguyễn S thuộc tổ 3, khu 5, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn M đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 pro, màu xanh dương, trị giá 5.092.000đ (năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) và số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn S. Tổng trị giá tài sản là 6.792.000đ (sáu triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác.

Do đó, Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như Bản cáo trạng đã nêu và viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của mọi người phải được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu của bản thân. Mặt khác, bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại là người đã giúp đỡ cho bị cáo ở nhờ khi bị cáo gặp khó khăn không có chỗ ở. Hành vi của bị cáo đã thể hiện sự sa sút về đạo đức, sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Về nhân thân, bị cáo đã bị xét xử và phải chấp hành hình phạt tù, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo là đối tượng khó cải tạo. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và ngăn chặn tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: xét bị cáo ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên không áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn S 01 chiếc điện thoại như nêu trên và số tiền 1.450.000đ. Nay anh S không có yêu cầu gì về tài sản đối với bị cáo, nên không xét.

[7] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Liên quan trong vụ án: bị cáo đưa chiếc điện thoại trên cho anh Vũ T để mở khóa màn hình, nhưng quá trình điều tra xác định anh T không biết chiếc điện thoại trên do bị cáo trộm cắp mà có, nên không có cơ sở xử lý về hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn M 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ: ngày 09/12/2022.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP H;
- Cơ quan ĐTCATP H;
- Cơ quan THAHS TP H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Chi cục THADS TP H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng